

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG
Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 27/11/2025.
“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Đào.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Ngạn.

Bà Lê Thị Phương Thuận.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2025 giữa:

Nguyên đơn: Anh Ngô Quang Đ, sinh năm 1990. **CCCD số 030090008094 cấp ngày 15/10/2024;** ĐKTT: thôn PX, xã MĐ, thành phố HP. Hiện đang cư trú tại: KohKong, vương quốc Campuchia.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Vũ Thị Tú M, sinh năm 1996. Địa chỉ: Văn phòng luật sư Tâm Á số 6/152 Thanh Bình, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. **CCCD số 033190004025 cấp ngày 10/8/2021;** ĐKTT và cư trú: thôn PX, xã MĐ, thành phố HP.

Anh Đ, chị T, chị M đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Ngô Quang Đ trình bày: Anh và chị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng) vào năm 2012. Thực tế vợ chồng anh kết hôn lần đầu vào năm 2012, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng) vào năm 2016. Đến năm 2018 vì nghĩ thương con nên anh chị kết hôn lại. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, anh xác định một phần lỗi do anh chưa toàn tâm, toàn ý với gia đình. Tuy nhiên, chị T thì âm thầm, không chia sẻ, không quan tâm đến cuộc sống của anh. Anh chị sống chung nhà nhưng cư xử với nhau như những người xa lạ, không chuyện trò, không chia sẻ khó khăn thuận lợi, tâm tư nguyện vọng trong cuộc sống. Chính không khí gia đình nặng nề như vậy nên anh quyết tâm đi lao động nước ngoài để vợ chồng có thời gian suy nghĩ, đồng thời làm ăn kinh tế. Khi anh đi chị T không đồng ý nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị để mỗi người ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Ngô Minh C, sinh ngày 26/8/2013 và Ngô Quang H, sinh ngày 15/01/2019. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng để hai con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng vì hiện nay các con vẫn đang sinh sống cùng chị, anh không muốn thay đổi môi trường sống của các con. Anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là 3.000.000đ/con/tháng cho đến khi các con thành niên.

Về tài sản chung, nợ và công sức: Anh chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Về quan hệ vợ chồng: Chị và Anh Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn như Anh Đ trình bày là chính xác. Anh chị kết hôn lần 01 vào năm 2012, sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống với gia đình nhà chồng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do không hàn gắn được nên anh chị đã ly hôn năm 2016. Sau khi ly hôn, vì gia đình hai bên động viên và cũng vì thương con nên chị và Anh Đ kết hôn lại vào năm 2018, sau đó sinh thêm 01 con chung. Kết hôn lại lần 02 nhưng cuộc sống gia đình vẫn không đồng thuận, anh chị không chia sẻ được với nhau nhiều chuyện. Tuy nhiên, những mâu thuẫn mà anh chị gặp phải đều nhỏ và đều có thể khắc phục được. Mặt khác, Anh Đ có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên không quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị. Chị cũng đã trao đổi nói chuyện với anh nhưng anh không thay đổi quan điểm, Anh Đ kiên quyết xin ly hôn, chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm

vợ chồng. Chị không đồng ý ly hôn và mong muốn Tòa án kéo dài thời gian với mong muốn Anh Đ suy nghĩ lại một cách chín chắn, thấu đáo hơn nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Chị xác định, vợ chồng có 02 con chung như Anh Đ trình bày là chính xác. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con vì hiện nay các con vẫn đang sống chung cùng chị. Anh Đ đang làm việc tại Campuchia nên cũng không có điều kiện chăm sóc con. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị 3.000.000đ/con/tháng đến khi con chung trưởng thành, chị hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung, nợ và công sức: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền trong việc giao nhận văn bản tố tụng, chị M trình bày: Chị nhất trí nhận ủy quyền của Anh Đ trong việc giao nhận các văn bản tố tụng. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị M đã thông báo cho Anh Đ biết; Anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn (thông qua đơn xét xử vắng mặt) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn vắng mặt không có lý do khi Tòa án triệu tập.

Về đường lối giải quyết vụ án. **Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Ngô Quang Đ ly hôn chị Nguyễn Thị T. Về con chung: **Giao** 02 con Ngô Minh C, sinh ngày 26/8/2013 và Ngô Quang H, sinh ngày 15/01/2019 cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên (**đủ 18 tuổi**). Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T là 3.000.000đ một con một tháng cho đến khi các con thành niên. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (được viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đ làm đơn khởi kiện chị T. Chị T cư trú tại xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng thụ lý là đúng về thẩm quyền. Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Quang Đ và chị Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng). Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị xác định chung sống với nhau được một thời gian thì mâu thuẫn phát sinh. Mâu thuẫn anh chị trình bày tương đối phù hợp với nhau về việc vợ chồng không chia sẻ được với nhau về tình cảm, về cách làm ăn kinh tế. Trong cuộc sống hàng ngày anh chị không quan tâm đến nhau. Chị T cho rằng những mâu thuẫn đó là nhỏ và có thể khắc phục được. Anh Đ có người phụ nữ khác nên không còn chung thủy với chị nên chị không đồng ý ly hôn. Mặc dù, không đồng ý ly hôn nhưng bản thân chị lại không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, chị chấp nhận sống ly thân để anh suy nghĩ lại nhưng anh lại không đồng ý. Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: Hôn nhân được xác định là lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thuộc trường hợp vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, sống ly thân và vợ hoặc chồng có quan hệ ngoại tình. Đối chiếu với quy định trên, HĐXX có căn cứ xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, Anh Đ xin ly hôn chị là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Anh Đ để mỗi người ổn định cuộc sống riêng.

Về quan hệ con chung: Anh chị đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Ngô Minh C và Ngô Quang H. Khi ly hôn, anh chị thống nhất quan điểm về việc nuôi dưỡng con và mức cấp dưỡng. Xét quan điểm của anh chị phù hợp với nguyện vọng của con (con Ngô Minh C, con có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị T khi bố mẹ ly hôn) và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận. Giao 02 con Ngô Minh C, sinh ngày 26/8/2013 và Ngô Quang H, sinh ngày 15/01/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục cho đến khi thành niên. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/con/tháng.

Về tài sản chung, về nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Ngô Quang Đ phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4 Nghị Quyết 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; **khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự**; Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: **Xử.**

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Ngô Quang Đ ly hôn chị Nguyễn Thị T.

[2]. Về con chung: **Giao** 02 con Ngô Minh C, sinh ngày 26/8/2013 và Ngô Quang H, sinh ngày 15/01/2019 cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên (**đủ 18 tuổi**). Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T là 3.000.000đ một con một tháng cho đến khi các con thành niên.

Sau khi ly hôn, Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T. Nếu Anh Đ vi phạm thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Anh Ngô Quang Đ **phải chịu** số tiền 600.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Anh Đ đã nộp 300.000đ tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo biên lai thu số 0002955 ngày 03/10/2025. Anh Đ phải nộp thêm 300.000đ.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Ngô Quang Đ và chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có quyền kháng cáo bản án. Anh Đ được quyền kháng cáo

trong thời hạn 30 ngày, chị T được quyền kháng cáo trong hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Mao Điền, TP. Hải Phòng.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào